

Bản án số: 23/2025/HNGĐ- ST

Ngày: 08- 9 - 2025

V/v “*Ly hôn, tranh chấp nuôi
con khi ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 – HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Văn Mùi và ông Dương Văn Sinh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Mạc Thị Thuỷ- Thư ký Tòa án nhân dân khu vực
9 - Hải Phòng

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Hải Phòng tham gia
phiên toà:** Bà Vũ Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 9 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 9 – Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 220/2025/TLST- HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2025 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 7 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên toà số 07/2025/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Cao Thị Kim L, sinh ngày 08-8-1998.

Căn cước công dân số 030198000xxx do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 10-8-2021.

Địa chỉ: Tổ dân phố Đại, phường Lê Đại Hành, thành phố Hải Phòng.

(*Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa*).

- Bị đơn: Anh Bùi Trí T, sinh ngày 31-10-1995.

Căn cước công dân số 030095000xxx do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp.

Nơi ĐKKHKT: Tổ dân phố Đại, phường Lê Đại Hành, thành phố Hải Phòng.

(*Vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 06-6-2025 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Cao Thị Kim L trình bày:

Chị và anh T được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn. Ngày 08-11-2018 anh chị có đăng ký kết hôn tại UBND phường An Lạc, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương (*nay là phường Lê Đại Hành, thành phố Hải Phòng*). Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại khu dân cư Đại, phường An Lạc, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương (*nay là tổ dân phố Đại, phường Lê Đại Hành, thành phố Hải Phòng*). Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2020 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh T làm thợ sơn theo công trình thường xuyên xa nhà. Năm đầu vợ chồng vẫn liên lạc với nhau nhưng sau đó anh T thay số điện thoại, chị không thể liên lạc được với anh T. Đầu năm 2025 gia đình chị có việc anh T có liên lạc để hỏi thăm sau lần đó vợ chồng ít liên lạc với nhau nữa. Mỗi lần điện thoại chị có hỏi tại sao anh T không về nhà, anh T trả lời quanh co bận công việc trong khi đó anh cũng không hỗ trợ chị kinh phí để nuôi các cháu. Chị nghi ngờ anh T không còn chung thủy với chị, vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không đoàn tụ được, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung là Bùi Trí Bảo, sinh ngày 22-02-2019 đang do chị nuôi dưỡng. Chị có nguyện vọng được tiếp tục nuôi cháu Bảo và tự nguyện không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung với chị. Nghề nghiệp của chị là giáo viên tại trường mầm non Nhân Huệ, thu nhập trung bình là 8.000.000 đồng/tháng, thời gian làm việc giờ hành chính. Chị sống cùng bố mẹ đẻ chị, ông bà làm công nhân, có nhà ở rộng rãi, đủ chỗ cho chị và con ở. Nếu chị được nuôi cháu Bảo ông bà sẽ hỗ trợ chị chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Bảo.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Biên bản ghi lời khai của ông Cao Văn Biên (bố mẹ đẻ của chị Cao Thị Kim L): Ông là bố đẻ của chị L, năm 2018 chị L kết hôn với anh T. Hai gia đình có tổ chức đám cưới theo phong tục của địa phương. Sau kết hôn chị L và anh T chung sống cùng với vợ chồng ông tại tổ dân phố Đại, phường Lê Đại Hành, thành phố Hải Phòng. Quá trình chị L và anh T chung sống có xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh T không quan tâm đến gia đình vợ con. Nghề nghiệp của anh T là thợ sơn nên thường đi làm xa nhà. Cuối năm 2019 anh T đi làm xa nhà đến Tết đầu năm 2020 anh T về nhà ăn tết xong lại đi từ đó đến nay không về chung sống với chị L. Từ khi đi anh T không quan tâm đến vợ con ở nhà, không gửi tiền về hỗ trợ chị L nuôi con mà thậm chí còn gọi điện cho chị L để xin tiền. Hiện tại anh T đã chấm dứt liên lạc với chị L và gia đình nhà ông nhiều năm nay. Chị L và anh T có 01 con chung, hai mẹ con chị L đang sống tại nhà ông. Gia đình có nhà ở rộng rãi, đủ điều kiện cho mẹ con chị L chung sống cùng với gia đình ông. Quá trình anh T và chị L sống ly thân, vợ chồng ông bà hỗ trợ chị L cả về thời gian và kinh tế để nuôi cháu Bảo. Nay chị L xin ly hôn anh T và có nguyện vọng được tiếp tục nuôi con chung ông đề nghị Tòa án giải quyết cho

chị L được ly hôn, được nuôi con. Ông bà sẽ có trách nhiệm hỗ trợ chăm sóc cháu.

Biên bản xác minh với tổ dân phố Đại, phường Lê Đại Hành, thành phố Hải Phòng: Chị Cao Thị Kim L và anh Bùi Trí T là công dân có đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ dân phố Đại, phường Lê Đại Hành, thành phố Hải Phòng. Nguyên nhân mâu thuẫn của anh chị địa phương không biết. Hiện tại anh T không về địa phương chung sống với chị L. Anh T và chị L có 01 con chung đang do chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Chị L là giáo viên mầm non có thu nhập ổn định làm việc giờ hành chính nên có đủ điều kiện nuôi con. Nay chị L làm đơn xin ly hôn anh T đề nghị Tòa án căn cứ vào nguyện vọng của các bên và quy định pháp luật để giải quyết.

Công văn số 1857 ngày 20-6-2025 của Phòng quản lý xuất nhập cảnh công an tỉnh Hải Dương: Anh Bùi Trí T có thông tin như công văn lần gần nhất xuất cảnh ngày 19-01-2016 qua sân bay Nội Bài bằng hộ chiếu số C0884098, nhập cảnh vào ngày 06-8-2017 qua sân bay Tân Sơn Nhất.

Anh Bùi Trí T đã được Tòa án niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không đến Tòa án làm việc cũng như không có văn bản trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa:

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ Luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Cao Thị Kim L được ly hôn anh Bùi Trí T.

- Về con chung: Giao con chung là Bùi Trí Bảo, sinh ngày 22-02-2019 cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của chị L không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung với chị.

- Về tài sản chung: không đặt ra giải quyết.

- Án phí: Chị Cao Thị Kim L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, đối chiếu với các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng :

Về thẩm quyền giải quyết: Chị Cao Thị Kim L khởi kiện xin ly hôn đối với anh Bùi Trí T trú tại tổ dân phố Đại, phường Lê Đại Hành, thành phố Hải Phòng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 9 thành phố Hải Phòng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về sự có mặt của người tham gia tố tụng: Chị Cao Thị Kim L đã được tòa án triệu tập hợp lệ nhưng xin vắng mặt tại phiên tòa và anh Bùi Trí T vắng mặt không lý do nên căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành giải quyết theo quy định của pháp luật.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Cao Thị Kim L và anh Bùi Trí T kết hôn tự nguyện và có đăng ký kết hôn nên quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và ly thân không còn quan tâm đến nhau. Anh T đã được triệu tập hợp lệ, biết việc Tòa án đang giải quyết vụ án nhưng không đến Tòa án làm việc, không có biện pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng. Kết quả thu thập chứng cứ của Tòa án cũng thể hiện chị L và anh T ly thân từ cuối năm 2020 mỗi người tự ổn định cuộc sống riêng không thể đoàn tụ được. Như vậy Hội đồng xét xử thấy rằng anh chị vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Cao Thị Kim L là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3]. Về con chung: Chị L và anh T có 01 con chung là Bùi Trí Bảo, sinh ngày 22-02-2019 đang do chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Chị L có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng con chung và tự nguyện không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung với chị. Xét thấy cháu Bảo còn nhỏ, đang học tập và sinh sống ổn định cùng với chị L. Chị L có công việc, thu nhập ổn định, điều kiện chỗ ở cũng đảm bảo. Thời gian làm việc giờ hành chính nên chị có nhiều thời gian để nuôi dưỡng và chăm sóc cháu. Bố mẹ chị L cũng hỗ trợ trong việc chăm sóc. Xét điều kiện của chị L và để đảm bảo quyền lợi của con chung Hội đồng xét xử xét thấy cần giữ nguyên việc nuôi dưỡng như hiện tại đảm bảo sự ổn định theo Điều 6 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16-5-2024 và Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng: Chị Cao Thị Kim L không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung với chị. Xét thấy đây là sự tự nguyện của chị L nên cần được chấp nhận.

[4]. Về tài sản chung: Chị Cao Thị Kim L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

[5]. Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của chị Cao Thị Kim L được chấp nhận nên chị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 238; Điều 147 Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16-5-2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Cao Thị Kim L được ly hôn anh Bùi Trí T.

- Về con chung: Giao con chung là Bùi Trí Bảo, sinh ngày 22-02-2019 cho chị L tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Chị L tự nguyện không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung với chị.

Anh Bùi Trí T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị Cao Thị Kim L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn. Đối trừ với số tiền 300.000 đồng chị L đã nộp tạm ứng án theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002753 ngày 06-6-2025 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Chí Linh.

Về quyền kháng cáo: Chị Cao Thị Kim L và anh Bùi Trí T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 9 - Hải Phòng;
- Dương sự;
- UBND P. Lê Đại Hành-TP. Hải Phòng.
- Thi hành án dân sự TP.Hải Phòng;
- Lưu hồ sơ, Tòa án.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thu Hằng

